

## QUAN HỆ QUỐC TẾ

# TỰ DO HOÁ THƯƠNG MẠI - CÁC CÁCH TIẾP CẬN CỦA MỸ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

ThS. Bùi Thành Nam

Giảng viên Khoa Quốc tế học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

**T**hập niên cuối của thế kỷ XX, nước Mỹ lại nổi lên, tiếp tục là đầu tàu của nền kinh tế thế giới. Trong khi các nền kinh tế tư bản phát triển khác (Liên minh châu Âu EU, Nhật Bản) có mức tăng trưởng chậm chạp hoặc rơi vào khủng hoảng thì kinh tế Mỹ đã đạt mức tăng trưởng khá cao và ổn định, đưa quy mô nền kinh tế Mỹ vượt trên 10.000 tỷ USD, bằng quy mô kinh tế của 5 quốc gia kế tiếp cộng lại, và như cách họ tự nhận định, nền kinh tế Mỹ đã trở thành "...*một buồng máy, nơi cung cấp năng lượng để vận hành nền kinh tế thế giới*"<sup>(1)</sup>. Những nhân tố chủ yếu tạo nên vị thế rõ ràng của Mỹ trong nền kinh tế thế giới, theo đánh giá của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, là do quá trình tự do hoá các chính sách thương mại và đầu tư mà Mỹ theo đuổi suốt thời gian qua. Bài viết tập trung làm sáng tỏ các cách tiếp cận thương mại tự do của Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh lạnh, cụ thể là dưới các đời Tổng thống Bill Clinton và George W. Bush.

### 1. Quan điểm chủ đạo trong chính sách thương mại Mỹ

Kể từ khi luận thuyết của Adam Smith về tự do kinh tế và tự do thương mại ra đời, chủ nghĩa tư bản

đã có nhiều bước đi nhằm khuyếch trương luận thuyết này với mục đích mở cửa thị trường nước ngoài, biến thị trường bên ngoài thành nơi tiêu thụ sản phẩm và cung cấp nguyên vật liệu cho các cỗ máy của họ. Ngay khi hội nhập vào thế giới các nước tư bản hàng đầu, nước Mỹ đã ra sức phát triển tư tưởng tự do này. Năm 1934, bằng việc thông qua đạo luật Hiệp định thương mại tạo ra một cơ sở pháp lệnh để dỡ bỏ các loại thuế quan<sup>(2)</sup>, nước Mỹ đã chính thức hội nhập vào nền thương mại toàn cầu một cách sâu rộng hơn. Xuất phát từ nguồn gốc cả chính trị và kinh tế, ngay từ những thời điểm đầu tiên này cách tiếp cận thương mại tự do của Mỹ, bên cạnh mục tiêu thu hút các nguồn lực nhằm bảo đảm các lợi ích của nước Mỹ, nó còn hàm chứa mục tiêu gây tác động tới chính sách thương mại của các nước khác. Năm 1941, Tổng thống Mỹ F. Roosevelt đã đề nghị Thủ tướng Anh W. Churchill đưa vào Hiến chương Đại Tây dương một số nội dung, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết của tất cả các nước tham gia vào thương mại quốc tế: "*Tất cả các quốc gia và dân tộc cần phải hợp tác chặt chẽ với nhau để nhằm bảo đảm những điều kiện lao động tốt nhất, tiến bộ kinh tế và an ninh quốc*

tế<sup>(3)</sup>. Trên cơ sở đó Mỹ đã đề xuất việc thành lập Tổ chức thương mại quốc tế (ITO) ngay sau khi kết thúc Thế chiến II. Mặc dù thất bại trong việc thiết lập ITO (phần nhiều do chính cuộc đấu tranh trong nội bộ nước Mỹ), song Mỹ cũng kịp vớt vát một chút mục tiêu mà Roosevelt đặt ra bằng cách tham gia thành lập Hiệp ước chung về Thương mại và Thuế quan (GATT).

Tư tưởng bảo hộ và tự do hoá thương mại luôn là hai chiều hướng diễn ra song song tại các quốc gia cũng như trong ý thức hệ của bất cứ thể chế chính trị nào. Nước Mỹ cũng không phải là ngoại lệ. Các cuộc tranh luận về lựa chọn chiều hướng nào luôn diễn ra một cách gay gắt giữa các lực lượng kinh tế và chính trị trong suốt những thập niên sau đó. Thậm chí khi cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc, các ý kiến về chủ đề trên vẫn rất gay gắt dù quá trình toàn cầu hoá đã bắt đầu tăng tốc. (Tỷ phú H. Ross Perot, ứng cử viên trong cuộc tranh cử tổng thống năm 1992, đã đưa ra luận điểm nổi tiếng "cùng với thương mại tự do bạn sẽ nghe thấy những âm thanh khủng khiếp cuốn phăng dòng FDI và cơ hội việc làm ra khỏi nước Mỹ"<sup>(4)</sup>. Với xu thế hội nhập của thế giới ngày càng rõ ràng, tư tưởng tự do kinh tế và tự do hoá thương mại đang trở thành sự lựa chọn được ưu tiên đối với người dân Mỹ nói chung<sup>(5)</sup>. Chủ nghĩa quốc tế đã thắng thế do phù hợp với tính cách của những người Mỹ ưa khám phá và chinh phục, bằng chứng là những người theo chủ nghĩa quốc tế như G.H.Bush, B.Clinton, G.W.Bush đều dễ dàng giành thắng lợi trong cuộc tranh cử tổng thống trước những đối thủ thuộc trường phái biệt lập, bảo hộ như Pat Buchanan, Ross Perot hay Dick Gerphadt. Chiều hướng nhận thức

này đã tạo điều kiện cho các Chính quyền Mỹ kế tiếp nhau có nhiều cơ hội áp đặt giá trị tự do kiểu Mỹ cho các mối quan hệ kinh tế quốc tế mới.

Trong bài nói chuyện ngày 30/9/1997 tại Ủy ban quan hệ đối ngoại Mỹ với nhan đề "Nguyên tắc duy trì bất biến trong thời đại không ngừng thay đổi", về chiến lược toàn cầu hóa của Mỹ, Ngoại trưởng Mỹ lúc đó là M. Albright nói: "*mục tiêu chiến lược của Mỹ là nắm bắt cơ hội do lịch sử và kỹ thuật đem lại (tức là toàn cầu hóa) đặt thế giới thống nhất dưới nguyên tắc cơ sở là dân chủ, tự do thị trường, tôn trọng pháp luật và ủng hộ hòa bình*"<sup>(6)</sup>.

Tiếp tục khẳng định chính sách tự do hoá mậu dịch và những nỗ lực cho quá trình toàn cầu hoá, Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell nhấn mạnh "*...con đường của Mỹ trên thế giới này là nhằm thúc đẩy tự do, dân chủ, tự do thương mại và phát triển*"<sup>(7)</sup>. Cụ thể hơn, cựu Đại diện Thương mại Mỹ Robert Zoellick nhấn mạnh "*Chúng ta sẽ thúc đẩy thương mại tự do trên phạm vi toàn cầu, phạm vi khu vực và song phương*"<sup>(8)</sup>.

Qua những nhận định trên có thể nhận thấy ý đồ của Mỹ không chỉ giới hạn ở chỗ ký kết các hiệp định nhằm mở cửa thị trường các nước, mà quan trọng hơn là thiết lập một thể chế quốc tế đa phương mà Mỹ có thể kiểm soát<sup>(9)</sup> để phục vụ cho quyền lợi chiến lược của Mỹ, "*là chìa khoá để xây dựng các mối quan hệ hoà bình giữa các quốc gia*"<sup>(10)</sup>.

Mỗi một chính quyền, dù là của đảng Cộng hoà hay đảng Dân chủ, đều xây dựng hệ thống chính sách thương mại dựa trên tinh thần nói trên. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế quốc tế có nhiều thay đổi từ sau Chiến tranh Lạnh, và vì vậy, mỗi đời tổng thống Mỹ lại có những cách tiếp cận khác nhau đối với việc

hoạch định chính sách thương mại tại mỗi thời điểm.

## 2. Chính sách tự do hoá thương mại của Mỹ sau Chiến tranh lạnh

*a) Chính sách tự do hoá thương mại của Mỹ dưới thời Tổng thống B. Clinton*

Ê - kíp Clinton và Gore đã vạch ra chiến lược quốc gia với mục tiêu hỗ trợ nhiều hơn khả năng mở rộng thị trường cho các công ty Mỹ trên cơ sở đa biên và khu vực. Thời kỳ đầu mới nhậm chức tổng thống, Clinton đã xác định lấy chấn hưng nền kinh tế Mỹ và khởi xướng việc thành lập một tổ chức mậu dịch tự do toàn thế giới làm trọng tâm chính sách kinh tế đối ngoại. Trên cơ sở đó các quyết định về kinh tế đối ngoại của Chính quyền Clinton thường hướng tới mục tiêu khá rộng lớn, tập trung vào các chủ đề có tính chất toàn cầu. Các thoả thuận và hiệp định mang tính khu vực được xúc tiến một cách tích cực nhằm mục tiêu hỗ trợ cho việc xây dựng Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Trong giai đoạn này, Mỹ đã đạt được những thành tích khá ấn tượng theo đường hướng tự do hoá thương mại. Những thoả thuận đa phương liên tiếp được thông qua như sự thành lập của WTO, vai trò ngày càng tăng của Diễn đàn kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình dương (APEC), sự thực thi có hiệu quả các cam kết của các quốc gia thành viên Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) đã cho thấy xu hướng này.

Có thể thấy những thành tựu của Chính quyền Clinton đạt được dựa trên nhiều yếu tố thuận lợi. Trước hết, Chiến tranh Lạnh kết thúc đã tạo điều kiện cho các quốc gia trên thế giới xích lại gần nhau hơn trên con đường hợp tác cùng phát triển. Thứ

đến, với sức mạnh kinh tế, quân sự vượt trội, Chính quyền Clinton đã không mất nhiều công sức "vận động" các quốc gia đang phát triển tham gia quá trình toàn cầu hoá, cuộc chơi toàn cầu cho đến lúc này được hỗ trợ bởi hình ảnh "kẻ chiến thắng" cuộc Chiến tranh Lạnh đã giúp Mỹ chủ động về đường lối. Nỗ lực của Mỹ trong giai đoạn này về thực chất chỉ là cuộc mặc cả giữa Mỹ và những nước tư bản phát triển khác đối với việc mở rộng các cam kết về buôn bán tự do.

*Nỗ lực thành lập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*

Các thế lực kinh tế có tiếng nói quan trọng trong hệ thống kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các nước công nghiệp phát triển, vừa thống nhất về quan điểm lại vừa tồn tại những mâu thuẫn gay gắt về mục tiêu và chiều hướng phát triển; thống nhất về những mục tiêu tổng thể, nhưng lại mâu thuẫn trong những hành động thực tế. Kể từ sau Thế chiến II đến nay, quan hệ giữa Mỹ và các quốc gia tư bản phát triển khác, đặc biệt là Liên minh châu Âu (EU), luôn ở hai trạng thái, vừa là đối tác chiến lược, vừa là đối thủ cạnh tranh. Trên diễn đàn đa phương, những bất đồng giữa Liên minh châu Âu và Mỹ là một trong những lý do chủ yếu dẫn tới những trì trệ trong việc đạt được những thoả thuận về tự do thương mại trong khuôn khổ WTO.

Mặc dù việc thành lập WTO dựa trên di sản của những người tiền nhiệm là R. Reagan - người đề xướng vòng đàm phán Uruguay và G. H. Bush - người khởi động vòng đàm phán Uruguay, song ý thức về chiến lược kinh tế đối ngoại mới của Chính quyền Clinton đã có tác động tích cực tới quá trình hình thành của WTO. Mỹ đã nhượng bộ trên nhiều lĩnh vực nhằm

đạt được sự thống nhất về việc cho ra đời Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Trong lĩnh vực dịch vụ, Mỹ đã phải chấp nhận một Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) với danh mục các cam kết về dịch vụ rất nghèo nàn và kèm theo rất nhiều ngoại lệ. Hiệp định đạt được tại Vòng đàm phán Uruguay về thực chất mới chỉ là một hiệp định khung về các vấn đề nguyên tắc<sup>(11)</sup>.

Ngoài dịch vụ, văn hoá cũng là một trong những vấn đề gây bất đồng lớn giữa Mỹ và EC. Với Quyết định "Truyền hình không biên giới", Ủy ban Châu Âu đã định ra hạn mức đối với thời lượng phát hình và phát sóng các sản phẩm nghe nhìn có nguồn gốc xuất xứ không phải châu Âu. Thêm nữa, Hội nghị Thượng đỉnh các nước sử dụng tiếng Pháp họp tại Maurice từ 18-19/10/1994 đã thông qua Nghị quyết yêu cầu loại bỏ lĩnh vực văn hoá ra khỏi các quy định của GATT vì cho rằng "sự sáng tạo về tinh thần không thể đồng nghĩa với sự sản xuất hàng hoá"<sup>(12)</sup>. Mỹ lại phải nhượng bộ EC trong lĩnh vực này.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, cuộc thương lượng Mỹ - Ủy ban Châu Âu EC về nông nghiệp giữa hai nhà đàm phán thương mại là Micky Kantor của Mỹ và Leon Brittan của EC đã đưa đến thoả hiệp ngày 15/12/1993 có lợi hơn cho EC về nông nghiệp. Những nguyên tắc nền tảng của Chính sách nông nghiệp chung của EC vẫn được duy trì. Thoả thuận ngày 15/12/1993 đã cho phép khai thông bế tắc lớn nhất để đi đến việc ký kết tại Marrakesh (Morocco) vào tháng 4/1994 Hiệp định thành lập WTO và các hiệp định thương mại kèm theo.

APEC - Diễn đàn hỗ trợ cho sự ra đời của WTO.

Cho dù không phải là nước đưa ra sáng kiến thành lập APEC song Mỹ đã nhanh chóng tận dụng sáng kiến của Australia biến diễn đàn APEC thành chỗ dựa để thúc đẩy xu thế tự do hóa thương mại trong trường hợp vòng đàm phán Uruguay thất bại.

Nhiều năm qua, khu vực châu Á - Thái Bình Dương luôn là tâm điểm thu hút sự chú ý của giới kinh doanh quốc tế bởi sự hứa hẹn của những thị trường khổng lồ như Trung Quốc, tiềm năng công nghệ và sức mạnh kinh tế của Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc, sự năng động của các nền kinh tế ở Đông Nam Á như Singapore, Thailand, Malaysia... Cho đến nay, APEC có 21 thành viên, chiếm khoảng 52% diện tích lãnh thổ, 59% dân số, 70% nguồn tài nguyên thiên nhiên, đóng góp khoảng 57% GDP và 47% thương mại thế giới<sup>(13)</sup>. Do vậy, những sáng kiến của APEC trong các cuộc đàm phán toàn cầu đủ để thúc đẩy Liên minh châu Âu và các nước khác xúc tiến tự do hóa thương mại.

Chính vì vậy, Mỹ hướng nội dung chủ yếu của APEC là tăng cường hệ thống thương mại đa phương mở. Tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao APEC đầu tiên năm 1993 nhấn mạnh: "*Nền tảng của sự tăng trưởng kinh tế của chúng ta là hệ thống thương mại đa phương mở. Vì vậy, chúng ta cam kết cố gắng hết sức để đem lại sự kết thúc thành công của vòng đàm phán Uruguay*"<sup>(14)</sup>.

NAFTA - Cơ sở cho việc hình thành khu vực mậu dịch tự do toàn Châu Mỹ

Trước sự phát triển của nền kinh tế thế giới và sự lớn mạnh của các đối thủ kinh tế, nguy cơ bị các đồng minh Nhật và EU chia sẻ lợi ích từ các quốc gia Mỹ Latinh, vốn luôn được coi là mảnh đất "sân sau" của Mỹ, đồng thời làm mất dần ảnh hưởng của Mỹ một

khi họ xâm nhập vào thị trường khu vực đã trở thành một trong những lý do quan trọng nhất thúc đẩy Mỹ phải đạt được thoả thuận thành lập thị trường mậu dịch tự do với hai đối tác Mexico và Canada. Đây cũng là hai đối tác hội đủ cả điều kiện về chính trị và kinh tế cho một hiệp định thương mại tự do đầu tiên của Mỹ tại khu vực này. Với Canada, nguồn tài nguyên dồi dào và một thị trường có sức mua lớn (GDP bình quân đầu người trên 30.000 USD) là lý do kinh tế đủ lớn để Chính quyền Mỹ ký kết một Hiệp định thương mại tự do vào năm 1989. Với Mexico, ngoài sức hút của một thị trường hơn 100 triệu dân và GDP bình quân đạt trên 10.000 USD, vấn đề thiết lập chế độ dân chủ, tạo bước đệm an toàn cho tình hình an ninh và xã hội Mỹ là một mục tiêu nữa khiến Mexico nằm ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển thương mại tự do của Mỹ.

Ngày 1/1/1994, Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ NAFTA chính thức có hiệu lực sau khi được các cơ quan hành pháp của Mỹ, Canada và Mexico phê chuẩn. NAFTA được đưa vào thực thi đã tạo ra một thị trường hàng hoá và dịch vụ lớn nhất thế giới về sức tiêu thụ với số dân khoảng 400 triệu người và GDP thực tế khoảng 8.500 tỷ USD<sup>(15)</sup>.

Việc thực thi NAFTA đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xúc tiến chiến lược tự do thương mại của Mỹ. Bên cạnh những lợi ích cụ thể mà nền kinh tế Mỹ nhận được, đã dẹp bớt những lời chỉ trích của những người theo chủ nghĩa biệt lập, thì sự lớn mạnh của các đối tác, đặc biệt là Mexico, đã tạo ra những tiền đề quan trọng cho việc tiếp tục phô trương hình ảnh của thương mại tự do. Nền kinh tế Mexico, đứng trước sự sụp đổ của cuộc khủng hoảng đồng Peso năm

1994, đã khôi phục nhanh chóng chỉ sau vài năm thực hiện NAFTA. Mậu dịch song phương giữa Mexico và Mỹ đã tăng gấp ba lần, từ 80 tỉ USD lên 232 tỉ USD, đóng góp 50% trong tăng trưởng GDP<sup>(16)</sup>, đưa Mexico trở thành một trong những bạn hàng hàng đầu của thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới. Giá trị kinh tế và mậu dịch do NAFTA đem lại cho Mexico đủ để bất cứ quốc gia đang phát triển nào khác cũng phải thêm muốn một mô hình giống như vậy.

*"Chúng ta đã khởi đầu với một nền tảng vững chắc là thành công trong Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ"<sup>(17)</sup>. Như nhận định của Chính quyền Mỹ, NAFTA đã trở thành nền tảng quan trọng cho mục tiêu mở rộng khu vực mậu dịch tự do sang phía Nam Mỹ.*

*b) Chính sách thương mại của Mỹ dưới thời Tổng thống G. W. Bush*

Đường như trái ngược với chính sách coi trọng thương mại đa phương của chính quyền Clinton, Tổng thống đương nhiệm G.W. Bush đề cập rất ít về vai trò của Mỹ trong WTO hay APEC. Từ khi lên nắm quyền đến nay các động thái của Chính quyền Bush đều cho thấy các hiệp định buôn bán khu vực và song phương được đẩy mạnh hơn là các hiệp định mang tính toàn cầu. Cách tiếp cận được xem là mới này có lẽ bắt nguồn từ một số lý do.

*Thứ nhất*, sự điều chỉnh trong chiến lược lãnh đạo của Bush. Mục tiêu hàng đầu của Chính quyền Bush là củng cố vị trí siêu cường duy nhất của Mỹ và làm giảm vai trò của các cơ chế đa phương mà Bush và hệ thống cố vấn của mình cho rằng không phục vụ lợi ích nước Mỹ bằng cách đẩy mạnh chủ nghĩa đơn phương (trong vấn đề chính trị) và song phương (trong các quan hệ kinh tế).

*Thứ hai*, các nước đang phát triển ngày càng nhận thức rõ hơn vị trí và vai trò cũng như lợi ích của họ trong cuộc chơi toàn cầu. Những đề xuất gần đây của Mỹ về vấn đề tự do mậu dịch trên các diễn đàn đa phương đã gặp nhiều trở ngại chủ yếu xuất phát từ nhận thức mới của các quốc gia đang phát triển. Trật tự kinh tế thế giới hiện vẫn đang tồn tại sự bất công khi mức độ bất bình đẳng trong quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng lớn. Mặc dù thương mại mở rộng trong 30 năm gần đây, song lợi ích từ thương mại toàn cầu lại phân bố không đều làm cho chênh lệch về mức độ hưởng lợi của các nước rất khác nhau, mức thu nhập bình quân đầu người ở các nước phát triển tăng 71%, trong khi ở các nước nghèo chỉ tăng được 6%<sup>(18)</sup>. Kết quả là đã tạo ra, trên phạm vi rộng khắp toàn cầu, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn giữa các quốc gia, dân tộc. Những năm 60 của thế kỷ XX, các nước công nghiệp hóa chỉ giàu gấp ba lần các nước đang phát triển, thì nay khoảng cách đó đã tăng vọt lên tới 74 lần<sup>(19)</sup>. Chính vì vậy, các nước đang phát triển đang ngày càng có nhiều hành động nhằm bảo vệ lợi ích riêng, không chịu khuất phục trước sức ép của Mỹ và các nước tư bản khác. Phản ứng này từ các nước thuộc Thế giới thứ ba cộng thêm sự bất đồng giữa các nước phương Tây khiến cho không khí sôi sục của các cuộc biểu tình phản đối toàn cầu hoá diễn ra với quy mô ngày càng lớn. Vòng đàm phán Doha (2001) đã kéo dài tới cuối năm 2005 mà vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi.

Dấu hiệu tiêu cực từ các vòng đàm phán trong khuôn khổ WTO đối với các đề xuất nhằm mở rộng các lĩnh vực cắt giảm thuế quan đã khiến Chính quyền G. W. Bush chuyển mục

tiêu và tích cực đẩy nhanh việc triển khai các Hiệp định tự do mậu dịch (Free Trade Agreements - FTAs). Mỹ đang xúc tiến một xu thế mới thay thế đàm phán thương mại đa phương bằng những hiệp định tự do thương mại song phương. Việc thực hiện các hiệp định mở cửa thị trường song phương và khu vực được nhiều nhà kinh tế học gọi là cách tiếp cận nhiều tầng<sup>(20)</sup> đối với tự do hoá thương mại và cho rằng nó giúp mở rộng tự do thương mại, hỗ trợ thương mại đa biên nhờ tạo được một cuộc cạnh tranh mở cửa giữa các nước.

Chính quyền Bush đã đề xuất sáng kiến mới về thương mại với Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), có tên gọi là The Enterprise for ASEAN Initiative (EAI). EAI được đưa ra nhằm thực hiện mục tiêu thiết lập những hiệp định tự do thương mại song phương (FTAs) giữa Mỹ và tổ chức ASEAN. Với hành động này, Mỹ hy vọng sẽ tăng cường hơn nữa các hoạt động thương mại và đầu tư, tiến tới một quan hệ chặt chẽ hơn giữa Mỹ và ASEAN. Hiệp định Thương mại Tự do Mỹ - Singapore được ký kết năm 2002, hiệp định đầu tiên của Mỹ với một nước châu Á, là bước đầu tiên quan trọng hướng tới mục tiêu cuối cùng là thiết lập một khu vực Thương mại Tự do Mỹ-ASEAN và một khu vực thương mại tự do APEC rộng hơn trong giai đoạn 2010-2020. Với Hiệp định này, doanh nghiệp hai nước đã tiết kiệm được 33 tỷ USD tiền thuế nhưng quan trọng hơn đối với Mỹ là việc ký Hiệp định này đã khiến cho Thailand và Malaysia bắt đầu "quan tâm" hơn tới những Hiệp định tương tự với Mỹ, mở ra trào lưu "đuổi bắt FTA" trong khu vực Đông Nam Á.

Mỹ cũng đã kết thúc đàm phán FTA với một loạt nước ở châu Á, Phi và Mỹ

La tinh (Mỹ kết thúc đàm phán FTA với Morocco, Chile và 5 nước Trung Mỹ (Costa Rica, El Salvador, Guatemala, Honduras và Nicaragua) trong giai đoạn 2003 - 2005, với Australia và Nam Phi trong năm 2004.

Đối với Mỹ, các hiệp định thương mại tự do không chỉ phục vụ cho mục tiêu tăng cường quan hệ thương mại song phương mà còn là một nhân tố then chốt trong chính sách thương mại của Mỹ nhằm hỗ trợ cho các vòng đàm phán đa phương. Bên cạnh đó, Mỹ cũng gắn việc ký hiệp định thương mại tự do với mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia.

Sự kiện ngày 11/9 đã khiến Mỹ thay đổi cách tiếp cận đối với khu vực Mỹ La tinh. Tổng thống G. W. Bush liên tục quảng cáo cho sáng kiến về Khu vực Mậu dịch Tự do châu Mỹ (FTAA) như một mục tiêu quan trọng trong chính sách đối ngoại. Mỹ cũng sử dụng FTA như là một công cụ để hoàn tất việc thành lập Khu vực Mậu dịch tự do châu Mỹ (FTAA) bao gồm tất cả các quốc gia từ Canada đến Argentina. FTA giữa Mỹ và Chile được xem là bước đi đầu tiên nhằm hướng tới mục tiêu này, bên cạnh mục tiêu kinh tế (các nhà xuất khẩu Mỹ mỗi năm mất 800 triệu USD và ảnh hưởng tới khoảng 10.000 lao động nếu không có FTA với Chile)<sup>(21)</sup>, Mỹ hướng tới một mục tiêu khác có tầm chiến lược hơn là đưa hình ảnh của Chile trở thành điển hình của sự thành công, cuốn hút các nước khác ở Mỹ La tinh đi theo dòng xoáy của tự do hoá thương mại.

Nếu kế hoạch về Khu vực mậu dịch tự do châu Mỹ hoàn tất, khu vực này sẽ có tiềm năng phát triển và những ảnh hưởng mạnh mẽ đối với nền kinh tế toàn cầu. Với số dân lên tới 800 triệu người và GDP thực tế ước đạt khoảng 14.000 tỷ USD, FTAA sẽ tác động tích cực tới mục tiêu tự do hoá

thương mại toàn cầu của Mỹ. Những mục tiêu của Mỹ trong khuôn khổ WTO sẽ có tính khả thi hơn.

Nhìn về hình thức của các Hiệp định thương mại tự do, dường như đang có bước thụt lùi trong kế hoạch toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới của Chính quyền Bush nếu xét theo quy mô của những Hiệp định đó. Tuy nhiên đây lại là bước đi cần thiết nhằm tiếp cận và mở rộng thị trường nhanh chóng, đồng thời tiếp tục quảng bá hình ảnh tốt đẹp của tự do hoá thương mại cho những quốc gia còn “ngập ngừng” thông qua sự phát triển ngoại thương của những nước ký kết hiệp định với Mỹ.

Chính quyền Bush đã trải qua nhiệm kỳ đầu tiên với những thành công nhất định trong việc ký kết các hiệp định tự do song phương. Tuy vậy, Mỹ cũng sẽ phải đối đầu với những khó khăn khi tiếp tục phát triển mô hình chính sách thương mại này.

Với sức mạnh kinh tế vượt trội dựa trên nền tảng khối lượng cơ sở vật chất to lớn, khoảng cách về trình độ phát triển giữa Mỹ với hầu hết các quốc gia còn lại trên thế giới là trở ngại chính trong quá trình thúc đẩy sự hình thành của các FTA. Chính Mỹ là nước khuyến khích sự phát triển của mô hình này thông qua sự thành công của NAFTA nhưng cho đến nay các thoả thuận về FTA của Mỹ đạt được còn khá khiêm tốn. Hầu hết các thoả thuận Mỹ đạt được tới thời điểm này là với những quốc gia tương đối phát triển như Singapore, Chile, Australia, Nam Phi, Morocco,... Những quốc gia này về đặc trưng nền kinh tế vốn đã tương đối mở (Singapore hầu như không đánh thuế nhập khẩu, mức thuế nhập khẩu của Australia, Nam Phi, Morocco chỉ ở mức bình quân 5%). Để có thể tiếp tục

phát triển mô hình này, Mỹ sẽ phải có những đối sách cụ thể bởi thực tế cho thấy những quốc gia thuộc dạng như những nước nêu trên không nhiều. Việc chấp nhận “nhượng bộ” vốn là điều mà đảng Cộng hoà của Tổng thống Bush không quen làm, nhưng trong bối cảnh hiện nay có thể Mỹ sẽ chấp nhận một số cái giá phải trả trong đàm phán thương mại (ví dụ về vấn đề mở cửa thị trường nông sản Mỹ hoặc giảm bớt một số yêu cầu về mở cửa thị trường dịch vụ các nước đối tác) để tiếp tục khuyến khích trương khẩu hiệu “mậu dịch tự do”. Thực tế cũng cho thấy con bài “nhượng bộ” là hướng đi dễ dàng nhất cho việc đạt được các thoả thuận. Cựu Đại diện thương mại Mỹ Robert Zoellick cho biết các nước trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) có thể ký các hiệp định buôn bán tự do song phương với Mỹ mà không cần có các điều kiện tiên quyết nghiêm ngặt ngoài các cuộc cải cách và ý muốn mở cửa các nền kinh tế của họ.

### 3. Một số nhận xét

Các chỉ số kinh tế gần đây cho thấy, Mỹ vẫn giữ địa vị ưu thế và chủ đạo trong nền kinh tế thế giới, ít nhất là cho đến giữa thế kỷ XXI. Sự bùng nổ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng tin học và toàn cầu hóa kinh tế vừa trở thành nguồn động lực tăng trưởng liên tục đối với nền kinh tế Mỹ vừa là cơ sở để Mỹ duy trì chính sách thương mại tự do.

Trong giai đoạn đầu thế kỷ XXI, đối với Mỹ “Thị trường tự do, sự công khai minh bạch và tính linh hoạt” là những khẩu hiệu sẽ được Mỹ tiếp tục theo đuổi và đạt bằng được. Chính sách thương mại tự do không chỉ phục vụ cho mục tiêu tăng cường quan hệ

thương mại mà còn là một nhân tố then chốt, theo cách nhìn nhận mới của Mỹ là gắn thương mại tự do với vấn đề an ninh quốc gia và ngăn ngừa chủ nghĩa khủng bố. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu trên Mỹ cần phải giải quyết một số vấn đề lớn.

Sau sự kiện ngày 11/9, Mỹ nhận ra rằng cần phải giúp các nước, thông qua thương mại, đạt sự tăng trưởng kinh tế để ngăn ngừa các điểm nóng khủng bố. Song nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở châu Phi, châu Á và Đông Âu đang tồn tại mối đe dọa này do những mâu thuẫn về văn hoá, sắc tộc, tôn giáo. Bên cạnh đó, các nước đang phát triển và kém phát triển còn cho thấy rõ tính dễ bị tổn thương trước những biến động của thương mại quốc tế và dòng vốn di chuyển bất định khi họ mở cửa nền kinh tế. Hồ ngăn cách giàu nghèo, khoảng cách phát triển giữa các quốc gia vì vậy ngày càng rộng ra (Năm 2001 số người nghèo với mức sống dưới 1 đô la/ngày ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương là 267 triệu, trong khi ở Châu Âu con số này chỉ có 18 triệu). Những khu vực nghèo đói này vừa là những đối tác tiềm năng của Mỹ (cần thị trường, tài nguyên của họ) vừa là nơi dễ gieo trồng tư tưởng của chủ nghĩa khủng bố (“thị trường” của những mối hiểm khích do sự bất bình đẳng ngày càng gia tăng) mà người Mỹ luôn được “ưu tiên” trở thành mục tiêu.

Vấn đề thứ hai mà Mỹ phải đối diện trong bối cảnh hiện nay xuất phát từ chính những mâu thuẫn nội tại trong chính sách của Mỹ. Trong khi các nước đang phát triển có lợi thế về các lĩnh vực như nông nghiệp, dệt may,... thì Mỹ lại ra sức đề nghị thúc đẩy tự do hóa về đầu tư, tăng cường chính sách cạnh tranh đối với những hàng hoá Mỹ có ưu thế, đồng thời áp dụng những rào cản kỹ thuật và môi



trường đối với hàng hóa từ các nước đang phát triển. Bằng tiềm lực kinh tế, Mỹ không mấy khó khăn trong việc chi phối các thể chế kinh tế, thương mại và tài chính quốc tế, từ đó giành lợi thế trong quá trình tự do hóa thương mại, đầu tư và tài chính. Mặc dù mục tiêu lâu dài là áp đặt giá trị Mỹ trên phạm vi toàn thế giới, song trong ngắn hạn Mỹ lại hậu thuẫn cho những nhà sản xuất Mỹ khiến cho chính sách thương mại của Mỹ vẫn đặt ra những luật chơi bất bình đẳng đối với các nước đang phát triển. Sự đổ vỡ của những vòng đàm phán thương mại đa phương gần đây đã cho thấy xu thế các nước đang phát triển ngày càng không chấp nhận những ván bài do Mỹ đặt ra.

Mỹ đã có những điều chỉnh trong chính sách thương mại nhằm tiếp tục đẩy nhanh quá trình tự do hoá, nhưng những chính sách mới như phát triển FTAs đang đặt ra những dấu hỏi về ảnh hưởng không tốt của nó tới diễn đàn đa phương, tới mục tiêu về một ngôi làng toàn cầu trong đó giá trị Mỹ được tôn trọng. Chính vì vậy, về lâu dài, Mỹ cần điều chỉnh chính sách thương mại của mình theo hướng phù hợp với nguyện vọng của số đông các quốc gia ■

### Tài liệu tham khảo:

1. Các ưu tiên của chiến lược an ninh quốc gia, *TC điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, số 4, 12/ 2002.
2. Chủ nghĩa quốc tế Mỹ, *Tạp chí điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, số 1 tháng 8/2003.
3. Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) - *Bộ Ngoại giao Việt Nam*.
4. Một số vấn đề của toàn cầu hóa - *Tham khảo đặc biệt (TTXVN) 17/5/2001*.
5. NAFTA và những tác động đối với nền kinh tế Mỹ, *Bùi Thành Nam, TC NC Châu Mỹ 6/2003*.
6. Phác thảo nền kinh tế Mỹ, *Christopher Conte và Albert Karr, NXB Chính trị Quốc gia, HN 2003, tr 194*.
7. Thương mại tự do với Chile: Công cụ thúc đẩy chính sách của Mỹ ở Mỹ Latinh - *Tin kinh tế (TTXVN) 20/05/2003*.
8. Tổ chức thương mại thế giới - *Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2000*.

9. Về toàn cầu hoá và chiến lược của Mỹ - *Tham khảo chủ nhật (TTXVN), 14/1/2001*.
  10. Politics and economic policy in the United States, *Jeffrey E.Cohen, Fordham University 2000*.
  11. Job Losses And Trade - A Reality Check, *Brink Lindsey (2004), Trade Briefing Paper No.19, Centre for Trade Policy Study*.
- Các trang Web  
<http://www.census.gov/foreign-trade>  
<http://worldbank.org>  
<http://www.vietnam.usembassy.gov>

### Chú thích:

- (1) Chủ nghĩa quốc tế Mỹ, Kevin A. Hassett và James K.Glassman, *Tạp chí điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, số 1 tháng 8/2003, tr 25.
- (2) Phác thảo nền kinh tế Mỹ, Christopher Conte và Albert Karr, *NXB Chính trị Quốc gia, HN 2003, tr 194*.
- (3) Tổ chức Thương mại thế giới - Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2000.
- (4) Job Losses And Trade - A Reality Check, Brink Lindsey (2004), *Trade Briefing Paper No.19, Centre for Trade Policy Study*.
- (5) Politics and economic policy in the United States, Jeffrey E.Cohen, *Fordham University 2000, tr 65*.
- (6) Về toàn cầu hoá và chiến lược của Mỹ-Tham khảo chủ nhật (TTXVN), 14/1/2001.
- (7) Chủ nghĩa quốc tế Mỹ, *Tạp chí điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, số 1 tháng 8/2003, tr 3.
- (8) Thối đi những làn gió mậu dịch: Một cách tiếp cận lập khối, Robert Zoellick, *Tạp chí điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, số 1 tháng 8/2003, tr 31.
- (9) Tổ chức thương mại thế giới-Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2000.
- (10) Phác thảo nền kinh tế Mỹ, Christopher Conte và Albert Karr, *NXB Chính trị Quốc gia, HN 2003, tr 191*.
- (11)(12) Tổ chức thương mại thế giới - Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2000.
- (13)(14) Diễn đàn kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC)-Bộ Ngoại giao Việt Nam.
- (15) NAFTA và những tác động đối với nền kinh tế Mỹ, *Bùi Thành Nam, Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay 6/2003*.
- (16) Bureau of census, [www.census.gov/foreign-trade](http://www.census.gov/foreign-trade).
- (17) Các ưu tiên của chiến lược an ninh quốc gia, *Tạp chí điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, số 4, 12/ 2002.
- (18)(19) <http://www.worldbank.org>.
- (20) Hay như cách gọi của cựu Đại diện thương mại Mỹ, Robert Zoellick là "cách tiếp cận lập khối" (Chủ nghĩa quốc tế Mỹ, *Tạp chí điện tử Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, số 1 tháng 8/2003, tr 31).
- (21) Thương mại tự do với Chile: Công cụ thúc đẩy chính sách của Mỹ ở Mỹ Latinh - *Tin kinh tế (TTXVN) 20/05/2003*.